

Kiên Giang, ngày 14 tháng 5 năm 2025

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Quý Công ty, đơn vị, các doanh nghiệp.

Trung tâm Khuyến nông được Sở Nông nghiệp và Môi trường Kiên Giang giao nhiệm vụ hoạt động chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật đến mọi nhà nông trong địa bàn tỉnh Kiên Giang, năm 2025 đơn vị đồng hành cùng nông dân thực hiện các chương trình, dự án Khuyến nông làm cơ sở định hướng phát triển sản xuất nông nghiệp cho tỉnh Kiên Giang.

Để thực hiện thành công các chương trình dự án, Trung tâm Khuyến nông đề nghị quý Công ty và đơn vị cung cấp báo giá một số vật tư và dịch vụ mà đơn vị đang kinh doanh để Trung tâm Khuyến nông có căn cứ thực hiện mua sắm cho các Chương trình và Dự án Khuyến nông năm 2025 (phụ lục đính kèm).

Địa chỉ gửi báo giá: Trung tâm Khuyến nông Kiên Giang, 1224 Nguyễn Trung Trực, phường An Bình, TP Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, điện thoại liên hệ: 0918.474.880 (Thị Tú Linh); email: thitulinhkknkg@gmail.com

Rất mong được hợp tác từ các đơn vị./. 

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Vững



Phụ lục: Danh mục hàng hoá và yêu cầu kỹ thuật cơ bản
(Kèm theo Thư mời báo giá ngày 14/5/2025 của Trung tâm Khuyến nông)

STT	Tên hàng hoá	Yêu cầu tiêu chuẩn kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
1	Mua sắm lúa giống		Kg	44.800
1.1	Giống lúa Đài Thơm 8	Lúa giống đạt Quy Chuẩn QCVN 01-54:2011. Hạt giống lúa cấp xác nhận 1 hoặc tương đương, có nguồn gốc rõ ràng, phải đảm bảo chất lượng và chỉ tiêu kỹ thuật đáp ứng các chỉ tiêu của lúa giống. Bao bì còn nguyên vẹn, có in nhãn mác của nơi sản xuất. Có phiếu kiểm nghiệm chất lượng trong từng lô giống, đảm bảo còn hạn sử dụng.	kg	24.500
1.2	Giống lúa ĐS1	Lúa giống đạt Quy Chuẩn QCVN 01-54:2011. Hạt giống lúa cấp xác nhận 1 hoặc tương đương có nguồn gốc rõ ràng, phải đảm bảo chất lượng và chỉ tiêu kỹ thuật đáp ứng các chỉ tiêu của lúa giống. Bao bì còn nguyên vẹn, có in nhãn mác của nơi sản xuất. Có phiếu kiểm nghiệm chất lượng trong từng lô giống; đảm bảo còn hạn sử dụng.	kg	17.500
1.3	Giống ST24	Lúa giống đạt Quy Chuẩn QCVN 01-54:2011. Hạt giống lúa nguồn gốc rõ ràng, cấp xác nhận 1 hoặc tương đương; phải đảm bảo chất lượng và chỉ tiêu kỹ thuật đáp ứng các chỉ tiêu của lúa giống. Bao bì còn nguyên vẹn, có in nhãn mác của nơi sản xuất. Có phiếu kiểm nghiệm chất lượng trong từng lô hoặc bao lúa; đảm bảo còn hạn sử dụng.	kg	2.800
2	Mua sắm vật tư phân bón			
2.1	Phân hỗn hợp NPK	Dùng cho cây lúa giai đoạn sinh trưởng, bón phân đợt 1, đợt 2. Dạng hạt. Hàm lượng đạm tổng số $\geq 18\%$; Hàm lượng lân hữu hiệu $\geq 14\%$; Hàm lượng Kali hữu hiệu từ 6% đến 10%. Bao bì còn nguyên vẹn, còn thời hạn sử dụng.	kg	84.000
2.2	Phân hỗn hợp NPK	Dùng cho cây lúa giai đoạn làm đòng, bón phân đợt 3. Dạng hạt. Hàm lượng đạm tổng số $\geq 16\%$; Hàm lượng lân hữu hiệu $\geq 6\%$; Hàm lượng Kali hữu hiệu $\geq 18\%$. Bao bì còn nguyên vẹn, còn thời hạn sử dụng.	kg	84.000
2.3	Phân hữu cơ sinh học	Dạng lỏng. Sản phẩm đáp ứng theo QCVN 01-189:2019/BNNT: hàm lượng chất hữu	lít	6.000



STT	Tên hàng hoá	Yêu cầu tiêu chuẩn kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
		cơ $\geq 15\%$ khối lượng chất hữu cơ; hàm lượng axit humic hoặc hàm lượng axit fulvic hoặc tổng hàm lượng axit humic, axit fulvic $\geq 2\%$ khối lượng cacbon; bao bì có in nhãn mác của nơi sản xuất, hạn sử dụng, liều lượng, nồng độ sử dụng; còn 2/3 thời hạn sử dụng kể từ ngày sản xuất; Sản phẩm được phép lưu hành tại Việt nam theo đúng quy định. Sản phẩm sử dụng cho cây lúa. - Liều lượng sử dụng: 01 lít sản phẩm sử dụng hiệu quả cho $\geq 0,1$ ha/vụ lúa.		
2.4	Phân hữu cơ vi sinh	Dạng hạt. Sản phẩm đáp ứng theo QCVN 01-189:2019/BNNPTN: hàm lượng chất hữu cơ $\geq 15\%$ khối lượng chất hữu cơ; Một hoặc nhiều chỉ tiêu vi sinh vật có ích $\geq 10^6$ CFU/g; kích thước hạt đồng đều; bao bì còn nguyên vẹn, có in nhãn mác của nơi sản xuất, hạn sử dụng, liều lượng, nồng độ sử dụng; còn 2/3 thời hạn sử dụng kể từ ngày sản xuất; Sản phẩm được phép lưu hành tại Việt nam theo đúng quy định. Sản phẩm sử dụng cho cây lúa. - Liều lượng sử dụng: 1.000 kg sản phẩm sử dụng hiệu quả cho ≥ 01 ha/vụ lúa.	kg	40.000
2.5	Chế phẩm phân hủy rơm rạ	Sản phẩm sử dụng cho cây lúa. Dạng bột. Mật độ vi sinh vật tuyển chọn $\geq 10^6$ CFU/g (mười mũ sáu) theo TCVN 6168:2002. Bao bì còn nguyên vẹn, còn 2/3 thời hạn sử dụng kể từ ngày sản xuất. - Liều lượng sử dụng: 01 kg sản phẩm sử dụng hiệu quả cho $\geq 0,2$ ha/vụ lúa.	kg	3.000
3	Mua sắm thiết bị			
3.1	Mua sắm dụng cụ đo mực nước	Vật liệu PVC; Công nghệ radar, phương thức đo không tiếp xúc, thang đo từ -30cm đến 20cm, độ chính xác ≤ 1cm; độ phân giải 1cm; phương thức kết nối sóng vô tuyến hoặc 4G/5G; tính năng đo và kiểm soát mực nước trên ruộng, phục vụ canh tác ngập khô xen kẽ, giảm phát thải khí nhà kính; kết hợp mô hình điều khiển bơm từ xa; Hoạt động đo, xem mực nước trên ứng dụng di động (Android, iOS); Ứng dụng di động tải miễn phí; nguồn điện hoạt động (Pin lion 3.7V, dung lượng pin ≥ 3.400 mAh, sạc năng lượng mặt trời); môi trường làm việc (nhiệt độ từ 0-70°C, ẩm độ: 0-95%)	ống	128



STT	Tên hàng hoá	Yêu cầu tiêu chuẩn kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
3.2	Mua sắm bảng cấm lớn	Kích thước: 2m x 3m; Chất liệu nền tôn dán decal; nội dung in kỹ thuật số trên 2 mặt; Khung bảng bằng sắt vuông 25 mạ kẽm; Cột dựng bằng sắt ống tròn $\phi 90$ mạ kẽm; cao 3,5m (chân cột dựng cao 3m; chôn sâu 50cm), đổ bê tông cố định chân cột.	cái	12
3.3	Mua sắm bảng cấm nhỏ	Kích thước: 90cm x 120cm; Chất liệu bạt Hiflex; nội dung in kỹ thuật số trên 1 mặt; Khung bảng bằng sắt mạ kẽm vuông 20, độ dày $\geq 1,2$ mm, viền bao khung bằng nhôm	cái	28

*** Ghi chú:**

- Báo giá bao gồm thuế GTGT và chi phí vận chuyển đến các điểm thực hiện dự án tại các huyện trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.
- Thời hạn nhận báo giá đến ngày 23/5/2024.

BÁO GIÁ

Ngày: _ (Điền ngày tháng năm ký báo giá)

Kính gửi: Trung tâm Khuyến nông Kiên Giang

Sau khi nhận được Thư mời báo giá của quý đơn vị, chúng tôi, _ (ghi tên nhà cung cấp), có địa chỉ tại _ (Ghi địa chỉ nhà cung cấp), xin gửi bảng báo giá sản phẩm theo yêu cầu của quý đơn vị như sau:

TT	Danh mục hàng hoá	Đơn vị tính	Mô tả yêu cầu kỹ thuật cơ bản (Theo tiêu chuẩn, quy chuẩn đã công bố, ...)	Xuất xứ, ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Tổng						

- Giá trên đã bao gồm thuế GTGT và chi phí vận chuyển đến các điểm thực hiện dự án.
- Báo giá có giá trị từ ngày

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp
(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)